

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 643/2025/DS-PT

Ngày: 29-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 974/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Trà Minh T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Võ Văn N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số C đường L, phường C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Minh H, sinh năm 1970.

2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp A, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Minh N1, sinh năm 2002.

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Trần Thị Thanh T3, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D1, sinh ngày 30/11/1957

Địa chỉ: số A L, tổ A, khu phố H, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Minh H, Nguyễn Thị T2; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn:*

- Bà Nguyễn Thị C có người đại diện theo ủy quyền là Võ Văn N trình bày: Vào ngày 11/12/2023 (âm lịch), bà C có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, Phạm Minh H vay số tiền 354.000.000 đồng, khi nhận tiền bà T2 đại diện ký tên biên nhận, bà T2 đưa giấy tờ nhà đất do bà T2 đứng tên cho bà C xem để làm tin và hứa khi nào bán nhà, đất sẽ trả nợ, nhưng không trả.

Nay bà C yêu cầu bà T2, ông H trả cho bà 354.000.000 đồng tiền vốn vay + 55.000.000 đồng tiền hui và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử (Tiền lãi chỉ tính trên số tiền vay), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà C rút lại đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/4/2024.

- Bà Nguyễn Ngọc T có người đại diện theo ủy quyền là Võ Văn N trình bày: Vào ngày 29/02/2023, bà T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, Phạm Minh H vay số tiền 190.000.000 đồng, khi nhận tiền bà T2 đại diện ký tên biên nhận và hứa bán nhà được sẽ trả nợ cho bà T nhưng bà T2 đã bán nhà mà không trả nợ.

Nay bà T yêu cầu bà T2, ông H trả cho bà 190.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn bà Trà Minh T1 có người đại diện theo ủy quyền là Võ Văn N trình bày: Vào ngày 21/4/2022, bà T1 có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, Phạm Minh H vay số tiền 175.000.000 đồng, khi nhận tiền bà T2 đại diện ký tên biên nhận và hứa bán nhà được sẽ trả nợ cho bà T1 nhưng bà T2 đã bán nhà mà không trả nợ.

Nay bà T1 yêu cầu bà T2, ông H trả cho bà 175.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn:*

- Ông Phạm Minh H trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị T2 là vợ chồng nhưng đã ly thân nhau từ cuối năm 2021 đến nay và hiện không còn sống chung với bà T2 nữa nên không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1, bà T và bà C vì bà không có vay tiền của bà T1, bà T và bà C1 theo biên nhận, dù chữ ký và phân họ tên “Nguyễn Thị T2” là do bà ký và viết nhưng nội dung là do người khác viết. Đối với khoản nợ hui của của bà C và nợ của bà T, bà T2 thừa nhận có nợ. Do gặp khó khăn nên bà T2 xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến xong nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị Thanh T3 trình bày: Vào ngày 30/9/2024, bà có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Minh H, bà Nguyễn Thị T2 và anh Phạm Minh N1 thửa đất số 238, tờ bản đồ số 3, diện tích 81,9m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giá chuyển nhượng là 01 tỷ đồng, bà đã trả đủ tiền cho ông H, bà T2 và anh N1. Ngày 02/10/2024, hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định, bà đã nhận đất và đang lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thì bị Toà án nhân dân huyện C ngăn chặn. Việc Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là trái pháp luật, bà đã khiếu nại nhưng không được chấp nhận. Việc tranh chấp hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn bà không biết gì, không liên quan gì, Toà án xác định bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ và trái pháp luật.

- Anh Phạm Minh N1 trình bày: Vào ngày 02/10/2024, gia đình anh có chuyển nhượng cho bà Trần Thị Thanh T3 thửa đất số 238, tờ bản đồ số 3, diện tích 81,9m², tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giá chuyển nhượng là 01 tỷ đồng, hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định, bên anh đã đất cho bà T3 quản lý sử dụng và đang lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thì bị Toà án nhân dân huyện C ngăn chặn. Việc Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là trái pháp luật vì anh không có nghĩa vụ nhưng Toà án đã phong tỏa luôn phần tài sản của anh. Việc tranh chấp hợp đồng vay giữa bà C, bà T, bà T1 với cha, mẹ anh thì anh không biết gì, không liên quan gì, Toà án xác định

anh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ và trái pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Ngọc T và bà Trà Minh T1.

2. Buộc ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị T2 cùng có trách nhiệm liên đới:

- Trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vốn vay là 354.000.000 đồng + tiền lãi là 17.531.200 đồng và tiền hui là 55.000.000 đồng. Cộng chung tiền vốn + lãi + tiền hui là 426.531.200 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền vốn vay là 190.000.000 đồng + tiền lãi là 8.726.000 đồng. Cộng chung tiền vốn + lãi là 198.726.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trả cho bà Trà Minh T1 số tiền vốn vay là 175.000.000 đồng + tiền lãi là 8.037.000 đồng. Cộng chung tiền vốn + lãi là 183.037.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị C đòi ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị T2 trả thêm số tiền vay 360.000.000 đồng và 111.000.000 đồng tiền hui.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 28/2024/QĐ-BPKCTT ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 12/5/2025, bị đơn Phạm Minh H, Nguyễn Thị T2; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh T3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C. Bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu Hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ y yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh D là đại diện theo ủy quyền bị đơn cho rằng: Ông H và bà T2 ly thân từ lâu, ông H không biết về những số nợ này nên đề nghị Hội đồng xét xử không tuyên buộc trách nhiệm liên đới trả nợ đối với ông H. Bà T2 yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ông D1 là đại diện theo ủy quyền của bà T3 có ý kiến: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa phía ông H, bà T2 với bà T3 là hợp pháp, phát sinh trước thời điểm các nguyên đơn khởi kiện. Tại thời điểm này phía ông H, bà T2 còn nợ bà T3, chính bà T3 đưa 01 khoản tiền chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để làm thủ tục mua bán, chuyển quyền nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng phù hợp pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, Tòa sơ thẩm giải quyết vụ án đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các nguyên đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị T4, Trà Minh T1 khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả cho bà C số tiền 354.000.000 đồng, cho bà T4 số tiền 190.000.000 đồng, cho bà T1 số tiền 175.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi*” và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 08/4/2025, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án và xét xử vắng mặt ông H, bà T2, bà T3, ngày 07/5/2025 ông H, bà T2, bà T3 nhận được bản án sơ thẩm. Không đồng ý với bản án đã tuyên, ngày 12/5/2025, bị đơn

Phạm Minh H, Nguyễn Thị T2; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh T3 kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét kháng cáo của các đương sự:

Bà T2 kháng cáo yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; ông H kháng cáo không đồng ý liên đới trách nhiệm với bà T2 trả nợ cho các nguyên đơn, như vậy cả hai ông bà đã thống nhất với số nợ mà cấp sơ thẩm tuyên. Về trách nhiệm liên đới Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân của ông H bà T2 đang tồn tại, việc chi tiêu trong gia đình do bà T2 đảm trách số nợ các nguyên đơn khởi kiện phát sinh trong thời kỳ hôn nhân sử dụng cho kinh doanh mua bán và cuộc sống của gia đình, cấp sơ thẩm buộc ông H bà T2 cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ phù hợp pháp luật.

Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Số tiền mà ông H, bà T2 nợ các nguyên đơn phát sinh từ những năm 2022-2023, bà T2 là người ký nhận nợ, ông H biết rõ về số nợ này. Thửa đất số 238, tờ bản đồ số 3, diện tích 81,9m² do ông H đứng tên là tài sản duy nhất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Ngày 02/10/2025 ông H, bà T2 mang đi chuyển nhượng cho bà T3 là có ý định trốn tránh nghĩa vụ thanh toán, cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa phần đất này để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T3, phía bà T2, ông H biết mình còn nghĩa vụ trả nợ số tiền lớn nhưng lại đem tài sản duy nhất là phần đất ở thửa 238, tờ bản đồ số 3, diện tích 81,9m² chuyển nhượng cho bà T3 là có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, cấp sơ thẩm áp dụng và duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi đương sự. Đại diện ủy quyền của bà T3 cho rằng việc chuyển nhượng đất là nhằm mục đích khấu trừ phần nợ vợ chồng ông H, bà T2 thiếu bà T3. Xét thấy, việc nợ này các bên chỉ khai nhận khi tranh chấp, số tiền trả cho Ngân hàng cũng do ông H, bà T2 đứng tên trả nên lời trình bày của phía bà T3 không căn cứ do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các đương sự kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới, bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Minh H, Nguyễn Thị T2; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh T3

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2025/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp).

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Ngọc T và bà Trà Minh T1.

2. Buộc ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị T2 cùng có trách nhiệm liên đới:

- Trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vốn vay là 354.000.000 đồng + tiền lãi là 17.531.200 đồng và tiền hui là 55.000.000 đồng. Cộng chung tiền vốn + lãi + tiền hui là 426.531.200 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền vốn vay là 190.000.000 đồng + tiền lãi là 8.726.000 đồng. Cộng chung tiền vốn + lãi là 198.726.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trả cho bà Trà Minh T1 số tiền vốn vay là 175.000.000 đồng + tiền lãi là 8.037.000 đồng. Cộng chung tiền vốn + lãi là 183.037.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị C đòi ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị T2 trả thêm số tiền vay 360.000.000 đồng và 111.000.000 đồng tiền hui.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 28/2024/QĐ-BPKCTT ngày 17/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm:

Ông H, bà T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông H, bà T2 mỗi đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên

lai thu số 0001675, 0001674 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

Bà T3 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà T3 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001673 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

- Án phí sơ thẩm:

Ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 36.248.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trà Minh T1 số tiền 5.428.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015981 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 5.499.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015982 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Miễn tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị C.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực C – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng